TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2021/DS-ST
Ngày 30/6/2021
V/v tranh chấp "Quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đức Thụy;

2. Ông Nguyễn Văn Trí.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hồng Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới: Ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 460/2014/TLST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2014 về tranh chấp "Quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 266/2021/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1923; địa chỉ: ấp L H, xã K A, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

2. Bị đơn:

- Ông Huỳnh Văn G, sinh năm 1961;

- Bà Lý Thị Đ, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Cùng cư trú tại ấp Long Bình, xã K A, huyện C, tỉnh An Giang (có đơn xin vắng mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang (có đơn xin vắng mặt);

- Ông Huỳnh Văn D, sinh năm 1979 (vắng mặt);

- Huỳnh Thị H, sinh năm 1983 (vắng mặt);

- Huỳnh Văn K, sinh năm 1985 (vắng mặt);

- Huỳnh Thị L, sinh năm 1987 (vắng mặt);

- Huỳnh Văn Da, sinh năm 1989 (vắng mặt);

- Huỳnh Văn V, sinh năm 1992 (vắng mặt);

- Huỳnh Thị Bích Th, sinh năm 1996 (vắng mặt);

- Đoàn Thị Huỳnh L, sinh năm 1983 (vắng mặt);

- Huỳnh Thị Trà M, sinh năm 2003 (vắng mặt);

- Nguyễn Thị Mỹ Tr, chưa rõ năm sinh (vắng mặt);

- Nguyễn Phúc M i, chưa rõ năm sinh (vắng mặt);

- Huỳnh Minh Ng, chưa rõ năm sinh (vắng mặt);

- Huỳnh Thị Kim Th, chưa rõ năm sinh (vắng mặt);

- Nguyễn Huỳnh Ý Nh, chưa rõ năm sinh (vắng mặt);

- Nguyễn Huỳnh G, chưa rõ năm sinh (vắng mặt).

Địa chỉ: Cùng cư trú tại ấp Long Bình, xã K A, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của bà D thừa hưởng của cha mẹ chồng tên Phan Thị Thâm để lại và một phần mua lại của người khác là ông Phan Văn Hứa, bà đã sử dụng diện tích đất này từ năm 1960 đến nay. Bà thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế, lệ phí đầy đủ, nay bà yêu cầu ông G, bà Đ trả lại cho bà diện tích đất thổ cư, đất lâu năm khác với diện tích ngang 10m x dài 16.5m = 165m^2 mà ông G và bà Đ đã lấn chiếm và được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận QSDĐ số H3431/aB ngày 11/7/2008; đất tọa lạc tại ấp L H (nay là ấp Long Bình), xã K A, huyện C, tỉnh An Giang. Khi cấp giấy cho ông G và bà Đ, bà cho rằng bà không ký tứ cận. Nên, bà yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông G, bà Đ.

Tại văn bản ghi ý kiến ngày 27/7/2020, bị đơn ông Huỳnh Văn G trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Lý Văn S và bà Nguyễn Thị H (là cha mẹ của bà Lý Thị Đ) sử dụng từ trước năm 1975 với diện tích khoảng trên 300m^2 đến năm 1989, vợ chồng ông được cha mẹ là ông S và bà H cho lại phần đất này. Đến năm 2008 vợ chồng ông xin cấp giấy và đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận số H3431/aB ngày 11/7/2008. Đất tọa lạc tại ấp Long Bình, xã K A, huyện C, tỉnh An Giang và gia đình ông sử dụng ổn định đến nay. Ông cho rằng diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và diện tích đất thực tế gia đình ông đang sử dụng không lấn diện tích đất của bà B và ông không đồng ý theo cầu khởi kiện của bà B.

Sau đó bà B khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện C và Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang. Tại công văn 410/UBND huyện C ngày 29/10/2010 và Công văn 01/UBND ngày 21/3/2012 của UBND tỉnh An Giang đã trả lời việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông là đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Vì vậy, bà B yêu cầu vợ chồng ông trả diện tích ngang 10m dài 16,5m ông không đồng ý.

Bà Lý Thị Đ trình bày: Thống nhất lời trình bày của ông G và không ý kiến gì thêm.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

- Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang (có đơn xin vắng mặt).

- Ông Huỳnh Văn D, sinh năm 1979 (vắng mặt);

- Huỳnh Thị H, sinh năm 1983 (vắng mặt);

- Huỳnh Văn K, sinh năm 1985 (vắng mặt);

- Huỳnh Thị L, sinh năm 1987 (vắng mặt);

- Huỳnh Văn Da, sinh năm 1989 (vắng mặt);

- Huỳnh Văn V, sinh năm 1992 (vắng mặt);

- Huỳnh Thị Bích Th, sinh năm 1996 (vắng mặt);

- Đoàn Thị Huỳnh L, sinh năm 1983 (vắng mặt);

- Huỳnh Thị Trà M, sinh năm 2003 (vắng mặt);

- Nguyễn Thị Mỹ Tr, chưa rõ năm sinh (vắng mặt);

- Nguyễn Phúc M i, chưa rõ năm sinh (vắng mặt);

- Huỳnh Minh Ng, chưa rõ năm sinh (vắng mặt);

- Huỳnh Thị Kim Th, chưa rõ năm sinh (vắng mặt);

- Nguyễn Huỳnh Ý Nh, chưa rõ năm sinh (vắng mặt);

- Nguyễn Huỳnh G, chưa rõ năm sinh (vắng mặt).

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên hợp việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nêu trên vắng có lý do và không văn bản trình bày ý kiến. Nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của những người nêu trên về nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa,

- Các đương sự có mặt trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án*: Nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp ngang 10m dài 16,5m được thửa hưởng từ ông, bà của bà Nguyễn Thị B và một phần do bà B nhận chuyển nhượng của người khác, trên đất có trồng nhiều cây lâu năm, sử dụng đất ổn định từ năm 1960 đến nay và hoàn thành nghĩa vụ thuế. Tuy nhiên, ngày 21/10/2008 phát hiện ông Nguyễn Văn G, bà Lý Thị Đ được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H3431/aB ngày 11/7/2008 cho ông G, bà Đ nên phát sinh tranh chấp. Nay, bà B yêu cầu ông G, bà Đ trả lại đất đang tranh chấp và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông G, bà Đ.

Phía ông G, bà Đ xác định: Nguồn gốc đất của bà Lê Thị H, ông Lý Văn S (cha mẹ của bà Đ) sử dụng trước năm 1975 và cho vợ chồng ông G, bà Đ năm 1989, có trồng cây hàng năm và hoàn thành nghĩa vụ thuế. Năm 2008, được UBND huyện C cấp quyền sử dụng đất theo quy định. Năm 2010, bà B có khiếu nại đến UBND huyện C, UBND tỉnh An Giang, đều xác định việc cấp quyền sử dụng đất là đúng trình tự, thủ tục nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà B.

Căn cứ bà B khởi kiện là Tờ mua bán đất ngày 27/8/2004 của ông Phan Văn Hứa và biên bản hòa giải ngày 08/12/2014 của UBND xã K A, phía ông G, bà Đ cung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H3431/aB ngày 11/7/2008. Kết quả đo đạc và thẩm định tại chỗ xác định diện tích đang tranh chấp là 244,2m^2, trong đó có 119,9m^2 là căn nhà của ông Huỳnh Văn K (con của ông G, bà Đ).

Quá trình Tòa án thu thập chứng cứ xác định: Năm 2010, bà B khiếu nại UBND huyện C về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tại Công văn số 01 ngày 21/3/2012 của UBND tỉnh An Giang trả lời đơn khiếu nại của bà B, xác định: Bà B không có giấy tờ chứng minh đối với diện tích đất 244,2m^2 và không có quá trình sử dụng đất, thực tế phần đất này do ông Lý Văn Cường sử dụng từ năm 1989 đến năm 2007. Ngày 11/7/2008, gia đình ông G được cấp quyền sử dụng đất nên không có cơ sở thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

Ngoài các chứng cứ nêu trên bà B không cung cấp các chứng cứ chứng minh về nguồn gốc đất và các cơ sở pháp lý để thực hiện quyền của người sử dụng đất theo quy định tại Điều 166 Luật Đất đai nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 166 Bộ luật Dân sự; các Điều 105, 166, 203 Luật Đất đai, đề nghị:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B đối với ông Huỳnh Văn G, bà Lý Thị Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị B cho rằng diện tích đất 165 m^2 tọa lạc tại ấp Long Bình, xã K A, huyện C, tỉnh An Giang là đất của bà được thừa hưởng từ cha mẹ chồng tên Phan Thị Thâm và một phần bà mua lại của ông Phan Văn Hứa. Bà đã sử dụng diện tích đất này từ năm 1960 đến nay. Trong quá trình sử dụng bà thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế, lệ phí đầy đủ. Qua quá trình đo đạc bà B cho rằng ông G, bà Đ đã lấn chiếm diện tích đất của bà và kê khai làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà khởi kiện ra Tòa án yêu cầu hộ gia đình ông Huỳnh Văn G và bà Lý Thị Đ trả lại cho bà diện tích đất thổ cư, đất lâu năm khác với diện tích ngang 10m x dài 16.5m = 165m^2 mà ông G và bà Đ đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận QSDĐ số H3431/aB ngày 11/7/2008 là tranh chấp quyền sử dụng đất, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C; được quy định tại các Điều 26, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện C đã tiến hành thụ lý vụ án; tiến hành mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; xem xét thẩm định tại chỗ, thu thập chứng cứ theo quy định của pháp luật, căn cứ vào tài liệu chứng cứ, Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Bị đơn ông Huỳnh Văn G, bà Lý Thị Đ (có đơn xin vắng mặt). Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang (có đơn xin vắng mặt); Ông Huỳnh Văn Được, bà Huỳnh Thị H, ông Huỳnh Văn K, bà Huỳnh Thị L, ông Huỳnh Văn Da, Huỳnh Văn V, bà Huỳnh Thị Bích Th, bà Đoàn Thị Huỳnh L, Huỳnh Thị Trà M, Nguyễn Thị Mỹ Tr, Nguyễn Phúc M i, Huỳnh Minh Ng, Huỳnh Thị Kim Th, Nguyễn Huỳnh Ý Nh, Nguyễn Huỳnh G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử các đương vắng mặt là có căn cứ.

[2] Về nội dung: Nguồn gốc đất tranh chấp bà B cho rằng bà được thừa hưởng của cha mẹ chồng tên Phan Thị Thâm để lại và một phần mua lại của người khác là ông Phan Văn Hứa, bà đã sử dụng diện tích đất này từ năm 1960 đến nay đất thổ cư và đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp Long Bình, xã K A, huyện C, tỉnh An Giang. Đến năm 2008 Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận QSDĐ số H3431/aB ngày 11/7/2008 cho ông G, bà Đ; đất tọa lạc tại ấp L H (nay là ấp Long Bình), xã K A,

huyện C, tỉnh An Giang. Khi cấp giấy cho ông G và bà Đ, bà B cho rằng bà không ký tứ cận. Hiện tại ông G và bà Đ xây dựng nhà ở ổn định trên đất tranh chấp với diện tích ngang 10m x dài 16.5m = 165m^2. Nên bà B yêu cầu ông G và bà Đ tháo dở, di dời vật kiến trúc có trên đất tranh chấp và trả lại diện tích

165m^2 và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Huỳnh Văn G và bà Lý Thị Đ.

Ông Huỳnh Văn G và bà Lý Thị Đ cho rằng nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Lý Văn S và bà Nguyễn Thị H (là cha mẹ của bà Lý Thị Đ) sử dụng từ trước năm 1975 với diện tích khoảng trên 300m^2 đến năm 1989, vợ chồng ông được cha mẹ là ông S và bà H cho lại phần đất này. Đến năm 2008 vợ chồng ông xin cấp giấy và đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận số H3431/aB ngày 11/7/2008; đất tọa lạc tại ấp Long Bình, xã K A, huyện C, tỉnh An Giang và gia đình ông sử dụng ổn định đến nay. Gia đình ông sử dụng ổn định đến nay; ông cho rằng không lấn qua đất của bà B.

Các đương sự thống nhất theo số liệu bản vẽ ngày 02/8/2016 của Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh C. Đất đo đạc thực tế có diện tích: 244,2m^2 là phần đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Huỳnh Văn G và bà Lý Thị Đ. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H3431/aB, thuộc thửa số 19; tờ bản đồ số 37, tổng diện tích đất nói trên do ông G, bà Đ đang quản lý sử dụng tất các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án đo đạc, xem xét thẩm định tại chổ lại.

Tại Công văn 410/UBND huyện C ngày 29/10/2010 và Công văn 01/UBND ngày 21/3/2012 của UBND tỉnh An Giang đã trả lời việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông G, bà Đ là đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Đến ngày 11/7/2008 ông G, bà Đ được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số số H3431/aB, thuộc thửa số 19; tờ bản đồ số 37, diện tích 244,2m^2 đất ở nông thôn. Đất tọa lạc tại ấp Long Bình, xã K A, huyện C, tỉnh An Giang.

Do đó, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H3431/aB, thuộc thửa số 19; tờ bản đồ số 37, diện tích: 244,2m^2 cho ông G, bà Đ đất ở nông thôn, là đúng đối tượng và trình tự thủ tục theo quy định.

Nhận thấy, đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước thống nhất quản lý, người sử dụng đất có đủ điều kiện theo quy định của Luật Đất đai thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2008 ông G, bà Đ được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H3431/aB, thuộc thửa số 19; tờ bản đồ số 37, diện tích: 244,2m^2 cho ông G, bà Đ; trong đó có 119,9m^2 là căn nhà của ông Huỳnh Văn K (con của ông G, bà Đ). Bà B cho rằng lúc ông G, bà Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà không hay biết. Tại Công văn 410/UBND huyện C ngày 29/10/2010 và Công văn 01/UBND tỉnh An Giang ngày 21/3/2012 đã trả lời việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông G, bà Đ là đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

Tại phiên Tòa hôm nay bà Nguyễn Thị B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông G, bà Đ tháo dở, di dời vật kiến trúc có trên đất và trả lại diện tích diện tích ngang 10m x dài 16.5m = 165m^2 theo sơ đồ hiện trạng của Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh C ngày 02/8/2016; Tuy nhiên bà B không có chứng cứ chứng minh về nguồn gốc đất và tính hợp pháp phần đất tranh chấp là của bà B và xét về diện tích đất tranh chấp là nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất số H3431/aB, thuộc thửa số 19; tờ bản đồ số 37, diện tích: 244,2m^2 được Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông G, bà Đ. Ngoài ra, bà B còn yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông G, bà Đ, xét yêu cầu này thì thấy đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông G, bà Đ; Cơ quan thẩm quyền có văn bản cho rằng việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông G, bà Đ là đúng đối tượng và trình tự thủ tục theo quy định và được các hộ tứ cận ký giáp ranh. Do đó yêu cầu hủy giấy chứng nhận của bà B là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Từ những cơ sở phân tích nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B khởi kiện ông G, bà Đ tháo dở, di dời vật kiến trúc có trên đất và trả lại diện tích diện tích ngang 10m x dài 16.5m = 165m^2 theo sơ đồ hiện trạng của Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh C ngày 02/8/2016.

(Bản vẽ ngày 02/8/2016 của Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh huyện C, tỉnh An Giang là một phần không thể tách rời của bản án).

- Không chấp nhận về yêu cầu của bà Nguyễn Thị B về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H3431/aB, thuộc thửa số 19; tờ bản đồ số 37, diện tích: 244,2m^2 được Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông G, bà Đ.

- *Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ*: Căn cứ khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

[3] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- *Vì các lẽ trên,*

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 166 Bộ luật dân sự;

- Các Điều 105, 166 và Điều 203 Luật đất đai;

- Các Điều 26, 34, 35, 39, 147, 157, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Pháp lệnh số: 10/2009/PL - UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B. Về việc yêu cầu ông Huỳnh Văn G, bà Lý Thị Đ tháo dở, di dời vật kiến trúc có trên đất và trả lại diện tích 165m^2 theo sơ đồ hiện trạng của Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh C ngày 02/8/2016.

(Bản vẽ ngày 02/8/2016 của Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh huyện C, tỉnh An Giang là một phần không thể tách rời của bản án).

2. Không chấp nhận về yêu cầu của bà Nguyễn Thị B về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H3431/aB, thuộc thửa số 19; tờ bản đồ số 37, diện tích: 244,2m^2 đất ở nông thôn; được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 11/7/2008 cho ông G, bà Đ.

3.*Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ*: Bà B phải chịu 1.147.300 đồng (đã nộp xong).

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bà Nguyễn Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 200.000 *(hai trăm ngàn)* đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000 *(hai trăm ngàn)* đồng theo biên lai thu tiền số 0003155 ngày 26/12/2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quang Thanh